



Chương III

Đại Số Bool và hàm Bool



George Boole
(1815-1864)

Đại Số Bool

Một đại số Bool (A, \wedge, \vee) là một tập hợp $A \neq \emptyset$ với hai phép toán \wedge, \vee , tức là hai ánh xạ:

$$\wedge: A \times A \rightarrow A$$

$$(x, y) \rightarrow x \wedge y$$

và $\vee: A \times A \rightarrow A$

$$(x, y) \rightarrow x \vee y$$

thỏa 5 tính chất sau:

Đại Số Bool

- Tính *giao hoán*: $\forall x, y \in A$

$$x \wedge y = y \wedge x;$$

$$x \vee y = y \vee x;$$

- Tính *kết hợp*: $\forall x, y, z \in A$

$$(x \wedge y) \wedge z = x \wedge (y \wedge z);$$

$$(x \vee y) \vee z = x \vee (y \vee z).$$

- Tính *phân bố*: $\forall x, y, z \in A$

$$x \wedge (y \vee z) = (x \wedge y) \vee (x \wedge z);$$

$$x \vee (y \wedge z) = (x \vee y) \wedge (x \vee z).$$

Đại Số Bool

- Có các phần tử trung hòa 1 và 0: $\forall x \in A$

$$x \wedge 1 = 1 \wedge x = x;$$

$$x \vee 0 = 0 \vee x = x.$$

- Mọi phần tử đều có phần tử bù: $\forall x \in A,$
 $\exists \bar{x} \in A,$

$$x \wedge \bar{x} = \bar{x} \wedge x = 0;$$

$$x \vee \bar{x} = \bar{x} \vee x = 1.$$

Đại Số Bool

Ví dụ:

Xét F là tập hợp tất cả các dạng mệnh đề theo n biến p_1, p_2, \dots, p_n với hai phép toán nối liền \wedge , phép toán nối rời \vee , trong đó ta đồng nhất các dạng mệnh đề tương đương. Khi đó F là một đại số Bool với phần tử 1 là hằng đúng **1**, phần tử 0 là hằng sai **0**, phần tử bù của dạng mệnh đề E là dạng mệnh đề bù \bar{E}

Đại Số Bool

Xét tập hợp $B = \{0, 1\}$. Trên B ta định nghĩa hai phép toán \wedge, \vee như sau:

\wedge	0	1
0	0	0
1	0	1

\vee	0	1
0	0	1
1	1	1

Khi đó, B trở thành một đại số Bool

Đại Số Bool

Cho đại số Bool (A, \wedge, \vee) . Khi đó với mọi $x, y \in A$, ta có:

1) $x \wedge x = x; x \vee x = x.$

2) $x \wedge 0 = 0 \wedge x = 0; x \vee 1 = 1 \vee x = 1.$

3) Phần tử bù của x là duy nhất

$$\text{và } \overline{\overline{x}} = x; \quad \overline{1} = 0; \quad \overline{0} = 1.$$

4) Công thức De Morgan:

$$\overline{x \wedge y} = \overline{x} \vee \overline{y};$$

$$\overline{x \vee y} = \overline{x} \wedge \overline{y}.$$

5) Tính hấp thụ: $x \wedge (x \vee y) = x; x \vee (x \wedge y) = x.$

Định nghĩa hàm Bool

Hàm Bool n biến là ánh xạ

$$f : B^n \rightarrow B, \text{ trong đó } B = \{0, 1\}.$$

Như vậy hàm Bool n biến là một hàm số có dạng :

$f = f(x_1, x_2, \dots, x_n)$, trong đó mỗi biến trong x_1, x_2, \dots, x_n và f chỉ nhận giá trị trong $B = \{0, 1\}$.

Ký hiệu F_n để chỉ tập các hàm Bool n biến.

Ví dụ: Dạng mệnh đề $E = E(p_1, p_2, \dots, p_n)$ theo n biến p_1, p_2, \dots, p_n là một hàm Bool n biến.

Bảng chân trị

Xét hàm Bool n biến $f(x_1, x_2, \dots, x_n)$

Vì mỗi biến x_i chỉ nhận hai giá trị 0, 1 nên chỉ có 2^n trường hợp của bộ biến (x_1, x_2, \dots, x_n) .

Do đó, để mô tả f , ta có thể lập bảng gồm 2^n hàng ghi tất cả các giá trị của f tùy theo 2^n trường hợp của biến. **Ta gọi đây là bảng chân trị của f**

Ví dụ

Xét kết quả f trong việc thông qua một quyết định dựa vào 3 phiếu bầu x, y, z

1. Mỗi phiếu chỉ lấy một trong hai giá trị: 1 (tán thành) hoặc 0 (bác bỏ).
2. Kết quả f là 1 (thông qua quyết định) nếu được đa số phiếu tán thành, là 0 (không thông qua quyết định) nếu đa số phiếu bác bỏ.

Hàm Bool

Khi đó f là hàm Bool theo 3 biến x, y, z có bảng chân trị như sau:

x	y	z	f
1	1	1	1
1	1	0	1
1	0	1	1
1	0	0	0
0	1	1	1
0	1	0	0
0	0	1	0
0	0	0	0

Các phép toán trên hàm Bool

Các phép toán trên F_n được định nghĩa như sau:

1. Phép cộng Bool \vee :

Với $f, g \in F_n$ ta định nghĩa tổng Bool của f và g :

$$f \vee g = f + g - fg$$

$$\forall \mathbf{x} = (x_1, x_2, \dots, x_n) \in B^n,$$

$$(f \vee g)(\mathbf{x}) = f(\mathbf{x}) + g(\mathbf{x}) - f(\mathbf{x})g(\mathbf{x})$$

Các phép toán trên hàm Bool

2. Phép nhân Bool \wedge :

Với $f, g \in F_n$ ta định nghĩa tích Bool của f và g

$$f \wedge g = fg$$

$$\forall x = (x_1, x_2, \dots, x_n) \in B^n,$$

$$(f \wedge g)(x) = f(x)g(x)$$

Ta thường viết fg thay cho $f \wedge g$

Các phép toán trên hàm Bool

3) Phép lấy hàm bù:

Với $f \in F_n$ ta định nghĩa hàm bù của f như sau:

$$\bar{f} = 1 - f$$

4) Thứ tự trên F_n

Với $f, g \in F_n$ thì

$$f \prec g \Leftrightarrow \forall x = (x_1, x_2, \dots, x_n) \in B^n, f(x) \leq g(x)$$

Dạng nổi rời chính tắc của Hàm Bool

Xét tập hợp các hàm Bool của n biến F_n theo n biến x_1, x_2, \dots, x_n

- Mỗi hàm bool x_i hay $\overline{x_i}$ được gọi là từ đơn.
- *Đơn thức* là tích khác không của một số hữu hạn từ đơn.
- *Từ tối thiểu* là tích khác không của đúng n từ đơn.
- *Công thức đa thức* là công thức biểu diễn hàm Bool thành tổng của các đơn thức.
- *Dạng nổi rời chính tắc* là công thức biểu diễn hàm Bool thành tổng của các từ tối thiểu.

Dạng nối liền chính tắc của hàm Bool

- *Từ tối đại* là phần bù của các từ tối tiểu. Mỗi từ tối đại là tổng Boole của n từ đơn.
- Công thức biểu diễn hàm Boole f thành tích của các từ tối đại gọi là *dạng nối liền chính tắc* của hàm Boole f

Công thức đa thức tối thiểu

■ Đơn giản hơn

Cho hai công thức đa thức của một hàm Bool :

$$f = m_1 \vee m_2 \vee \dots \vee m_k \quad (F)$$

$$f = M_1 \vee M_2 \vee \dots \vee M_l \quad (G)$$

Ta nói rằng công thức F *đơn giản hơn* công thức G nếu tồn tại đơn ánh $\varphi: \{1, 2, \dots, k\} \rightarrow \{1, 2, \dots, l\}$ sao cho với mọi $i \in \{1, 2, \dots, k\}$ thì số từ đơn của m_i không nhiều hơn số từ đơn của $M_{\varphi(i)}$

Công thức đa thức tối thiểu

- Đơn giản như nhau

Nếu F đơn giản hơn G và G đơn giản hơn F thì ta nói F và G *đơn giản như nhau*

**** Công thức đa thức tối thiểu:**

Công thức F của hàm Bool f được gọi là *tối thiểu* nếu với bất kỳ công thức G của f mà đơn giản hơn F thì F và G đơn giản như nhau

Phương pháp biểu đồ Karnaugh.

Xét f là hàm Bool theo n biến x_1, x_2, \dots, x_n với $n = 3$ hoặc 4 .

Trường hợp $n = 3$:

f là hàm Bool theo 3 biến x, y, z . Khi đó bảng chân trị của f gồm 8 hàng. Thay cho bảng chân trị của f ta vẽ một bảng chữ nhật gồm 8 ô, tương ứng với 8 hàng của bảng chân trị, được đánh dấu như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}
z	101	111	011	001
\bar{z}	100	110	010	000
	\bar{y}	y	y	\bar{y}

Với qui ước:

1. Khi một ô nằm trong dãy được đánh dấu bởi x thì tại đó $x = 1$, bởi \bar{x} thì tại đó $x = 0$, tương tự cho y, z .
2. Các ô tại đó f bằng 1 sẽ được đánh dấu (tô đậm hoặc gạch chéo). Tập các ô được đánh dấu được gọi là biểu đồ Karnaugh của f , ký hiệu là $kar(f)$.

Trường hợp $n = 4$:

f là hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t . Khi đó bảng chân trị của f gồm 16 hàng. Thay cho bảng chân trị của f ta vẽ một bảng chữ nhật gồm 16 ô, tương ứng với 16 hàng của bảng chân trị, được đánh dấu như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z	1010	1110	0110	0010	\bar{t}
z	1011	1111	0111	0011	t
\bar{z}	1001	1101	0101	0001	t
\bar{z}	1000	1100	0100	0000	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Với qui ước:

1. Khi một ô nằm trong dãy được đánh dấu bởi x thì tại đó $x = 1$, bởi \overline{x} thì tại đó $x = 0$, tương tự cho y, z, t .
2. Các ô tại đó f bằng 1 sẽ được đánh dấu (tô đậm hoặc gạch chéo). Tập các ô được đánh dấu được gọi là biểu đồ karnaugh của f , ký hiệu là $kar(f)$.

Định lý

Cho f, g là các hàm Bool theo n biến x_1, x_2, \dots, x_n . Khi đó:

a) $\text{kar}(fg) = \text{kar}(f) \cap \text{kar}(g)$.

b) $\text{kar}(f \vee g) = \text{kar}(f) \cup \text{kar}(g)$.

c) $\text{kar}(f)$ gồm đúng một ô khi và chỉ khi f là một từ tối thiểu

d) $\text{kar}(f) \subset \text{kar}(g) \Leftrightarrow f \prec g$

Tế bào

Hai ô được gọi là *kề nhau* (theo nghĩa rộng), nếu chúng là hai ô liền nhau hoặc chúng là ô đầu, ô cuối của cùng một hàng (cột) nào đó. Nhận xét rằng, do cách đánh dấu như trên, hai ô kề nhau chỉ lệch nhau ở một biến duy nhất.

Tế bào là hình chữ nhật (theo nghĩa rộng) gồm 2^{n-k} ô ($k = 0, 1, \dots, n - 1$)

Nếu T là một tế bào thì T là biểu đồ karnaugh của một đơn thức duy nhất m , cách xác định m như sau: lần lượt chiếu T lên các cạnh, nếu toàn bộ hình chiếu nằm trọn trong một từ đơn nào thì từ đơn đó mới xuất hiện trong m .

Ví dụ 1:

Xét các hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t .

Biểu đồ karnaugh của đơn thức $x\bar{y}z\bar{t}$ là

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Ví dụ 2:

Xét các hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t .

Biểu đồ karnaugh của đơn thức $\bar{y}z\bar{t}$ là

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Ví dụ 3:

Xét các hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t .

Biểu đồ karnaugh của đơn thức $\bar{y}\bar{t}$ là

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Ví dụ 4:

Xét các hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t .

Biểu đồ karnaugh của đơn thức \bar{t} là

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Ví dụ 5:

Xét các hàm Bool theo 4 biến x, y, z, t .

Tế bào sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Là biểu đồ Karnaugh của đơn thức nào?

là biểu đồ karnaugh của đơn thức $y\bar{t}$.

Tế bào lớn.

Cho hàm Bool f . Ta nói T là một tế bào lớn của $\text{kar}(f)$ nếu T thoả hai tính chất sau:

a) T là một tế bào và $T \subseteq \text{kar}(f)$.

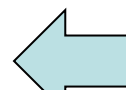
b) Không tồn tại tế bào T' nào thoả $T' \neq T$ và

$$T \subseteq T' \subseteq \text{kar}(f).$$



Ví dụ: Xét hàm Bool f theo 4 biến x, y, z, t có biểu đồ karnaugh như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	



Kar(f) có 6 tế bào lớn
như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

xz

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

$\bar{y}z$

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
$x\bar{t}$					

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
xy					

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	y \bar{z} t				

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z					\bar{t}
z					t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	$\bar{y}\bar{t}$				

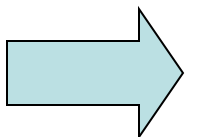
Thuật toán.

Bước 1: Vẽ biểu đồ karnaugh của f .

Bước 2: Xác định tất cả các tế bào lớn của $kar(f)$.

Bước 3: Xác định các tế bào lớn mà nhất thiết phải chọn.

Ta nhất thiết phải chọn tế bào lớn T khi tồn tại một ô của $kar(f)$ mà ô này chỉ nằm trong tế bào lớn T và không nằm trong bất kỳ tế bào lớn nào khác.



Thuật toán.

Bước 4: Xác định các phủ tối thiểu gồm các tế bào lớn.

Nếu các tế bào lớn chọn được ở bước 3 đã phủ được $kar(f)$ thì ta có duy nhất một phủ tối thiểu gồm các tế bào lớn của $kar(f)$.

Nếu các tế bào lớn chọn được ở bước 3 chưa phủ được $kar(f)$ thì xét một ô chưa bị phủ, sẽ có ít nhất hai tế bào lớn chứa ô này, ta chọn một trong các tế bào lớn này. Cứ tiếp tục như thế ta sẽ tìm được tất cả các phủ gồm các tế bào lớn của $kar(f)$. Loại bỏ các phủ không tối thiểu, ta tìm được tất cả các phủ tối thiểu gồm các tế bào lớn của $kar(f)$.

Thuật toán.

Bước 5: Xác định các công thức đa thức tối thiểu của f .

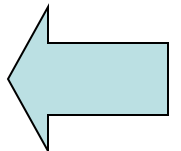
So sánh các công thức trên. Loại bỏ các công thức đa thức mà có một công thức đa thức nào đó thực sự đơn giản hơn chúng. Các công thức đa thức còn lại chính là các công thức đa thức tối thiểu của f .

Một số ví dụ

Ví dụ 1:

Tìm tất cả các công thức đa thức tối thiểu của hàm Bool:

$$f(x, y, z, t) = xyz t \vee x \bar{y} \vee x \bar{z} \vee y z \vee xy(\bar{z} \vee \bar{t})$$



Giải

Ta có

$$f = x y z t \vee x \bar{y} \vee x \bar{z} \vee y z \vee x y \bar{z} \vee x y \bar{t}$$

Bước 1: Vẽ $\text{kar}(f)$

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z	1	2	3		\bar{t}
z	4	5	6		t
\bar{z}	7	8			t
\bar{z}	9	10			\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

Bước 2: Kar(f) có các tế bào lớn như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z	1	2			\bar{t}
z	4	5			t
\bar{z}	7	8			t
\bar{z}	9	10			\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	x				

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z		2	3		\bar{t}
z		5	6		t
\bar{z}					t
\bar{z}					\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	yz				

Bước 3: Xác định các tế bào lớn nhất thiết phải chọn.

- Ô 1 nằm trong một tế bào lớn duy nhất x . Ta chọn x .
- Ô 3 nằm trong một tế bào lớn duy nhất yz . Ta chọn yz .

Bước 4: Xác định các phủ tối tiểu gồm các tế bào lớn.

Các ô được các tế bào lớn đã chọn ở bước 3 phủ như sau:

	x	x	\overline{x}	\overline{x}	
z	1	2	3		\overline{t}
z	4	5	6		t
\overline{z}	7	8			t
\overline{z}	9	10			\overline{t}
	\overline{y}	y	y	\overline{y}	

Ta được duy nhất một phủ tối tiểu gồm các tế bào lớn của $\text{kar}(f)$: $x; yz$.

Bước 5: Xác định các công thức đa thức tối thiểu của f.

Ứng với phủ tối thiểu gồm các tế bào lớn tìm được ở bước 4 ta tìm được duy nhất một công thức đa thức tối thiểu của f:

$$f = x \vee yz$$

Ví dụ 2: Tìm tất cả các công thức đa thức tối thiểu của hàm Bool:

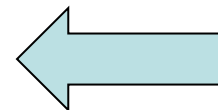
$$f(x, y, z, t) = \bar{y}(zt \vee \bar{z}\bar{t}) \vee y(\bar{z}\bar{t} \vee xzt) \vee \bar{x}z\bar{t}$$

Giải

Ta có $f = \bar{y}zt \vee \bar{y}\bar{z}\bar{t} \vee y\bar{z}\bar{t} \vee xyz\bar{t} \vee \bar{x}z\bar{t}$

Bước 1: Vẽ $\text{kar}(f)$:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	



Bước 2: Kar(f) có các tế bào lớn như sau:

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	$\bar{x}\bar{t}$				

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	
	$\bar{x}\bar{y}z$				

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

$\bar{y}zt$

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

xzt

	x	x	\bar{x}	\bar{x}	
z			1	2	\bar{t}
z	3	4		5	t
\bar{z}					t
\bar{z}	6	7	8	9	\bar{t}
	\bar{y}	y	y	\bar{y}	

$\bar{z}\bar{t}$

Bước 3: Xác định các tế bào lớn nhất thiết phải chọn

1. Ô 1 nằm trong một tế bào lớn duy nhất $\overline{x}\overline{t}$

Ta chọn $\overline{x}\overline{t}$

2. Ô 4 nằm trong một tế bào lớn duy nhất \mathbf{xzt}

Ta chọn \mathbf{xzt}

3. Ô 6 nằm trong một tế bào lớn duy nhất $\overline{z}\overline{t}$

Ta chọn $\overline{z}\overline{t}$

Bước 4: Xác định các phủ tối tiểu gồm các tế bào lớn

Các ô được các tế bào lớn đã chọn ở bước 3 phủ như sau:

	x	x	\overline{x}	\overline{x}	
z			1	2	\overline{t}
z	3	4		5	t
\overline{z}					t
\overline{z}	6	7	8	9	\overline{t}
	\overline{y}	y	y	\overline{y}	

Còn lại ô 5 chưa bị phủ. Ô 5 nằm trong 2 tế bào lớn:
 $\bar{x}\bar{y}z$ và $\bar{y}zt$. Để phủ ô 5 ta có hai cách chọn: $\bar{x}\bar{y}z$
 hoặc $\bar{y}zt$. Ta được hai phủ tối tiểu gồm các tế bào lớn
 của $\text{kar}(f)$:

$$\bar{x}\bar{t}; xzt; \bar{z}\bar{t}; \bar{x}\bar{y}z$$

$$\bar{x}\bar{t}; xzt; \bar{z}\bar{t}; \bar{y}zt$$

Bước 5: Xác định các công thức đa thức tối thiểu của f.

Ứng với hai phủ tối thiểu gồm các tế bào lớn tìm được ở bước 4 ta tìm được hai công thức đa thức của f:

$$f = \bar{x}\bar{t} \vee xzt \vee \bar{z}\bar{t} \vee \bar{x}\bar{y}z \quad (F_1)$$

$$f = \bar{x}\bar{t} \vee xzt \vee \bar{z}\bar{t} \vee \bar{y}zt \quad (F_2)$$

Ta thấy hai công thức trên đơn giản như nhau.
Do đó, chúng đều là hai công thức đa thức tối thiểu của f.

Ví dụ 3(BÀI 7ĐỀ2007)

Hãy xác định các công thức đa thức tối thiểu của hàm Bool:

$$f = xz(\bar{y} \vee \bar{t}) \vee \bar{x} \bar{z} \bar{t} \vee z(yt \vee \bar{x} \bar{y})$$

Biểu đồ Karnaugh:

1	1	0	1
1	1	1	1
0	0	0	0
0	0	1	1

Các tế bào lớn: **(0,5đ)** $xz, \bar{y}z, zt, \bar{x} \bar{z} \bar{t}, \bar{x} \bar{y} \bar{t}$

Các tế bào lớn bắt buộc phải chọn là

$$xz, zt, \bar{x} \bar{z} \bar{t}$$

Còn lại ô (1,4) có thể nằm trong 2 tế bào lớn

$$\bar{y}z, \bar{x} \bar{y} \bar{t}$$

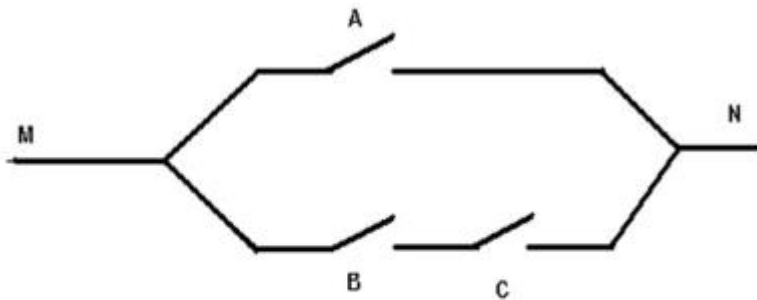
Do đó có 2 công thức đa thức tương ứng với phủ tối thiểu: **(0, 5đ)**

$$f = xz \vee zt \vee \bar{x} \bar{z} \bar{t} \vee \bar{x} \bar{y} \bar{t}$$

$$f = xz \vee zt \vee \bar{x} \bar{z} \bar{t} \vee \bar{y}z$$

Trong đó chỉ có công thức thứ hai là tối thiểu
(0,25đ)

Mạng logic (Mạng các cổng)



Câu hỏi: Khi mạch điện gồm nhiều cầu dao, làm sao ta có thể kiểm soát được.

Giải pháp là đưa ra công thức, với mỗi biến được xem như là một cầu dao

A	B	C	MN
0	0	0	0
0	0	1	0
0	1	0	0
0	1	1	1
1	0	0	1
1	0	1	1
1	1	0	1
1	1	1	1

Mạng logic (Mạng các cổng)

Định nghĩa

Một mạng logic hay một mạng các cổng là một hệ thống có dạng:



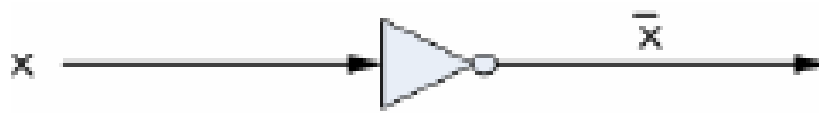
trong đó: - Input: x_1, x_2, \dots, x_n là các biến Bool.

- Output $f(x_1, x_2, \dots, x_n)$ là hàm Bool.

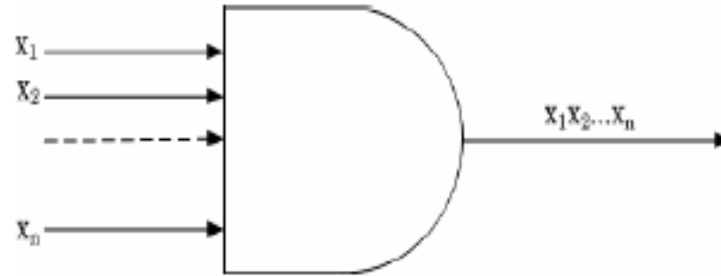
Ta nói mạng logic trên tổng hợp hay biểu diễn hàm Bool f .

Một mạng logic bất kỳ luôn luôn được cấu tạo từ một số mạng sơ cấp mà ta gọi là các cổng.

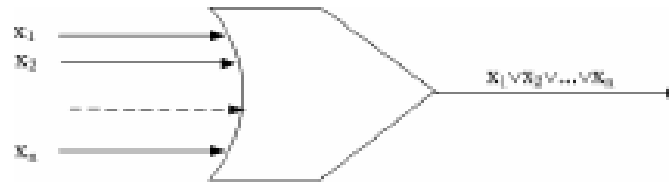
Cổng NOT



Cổng AND



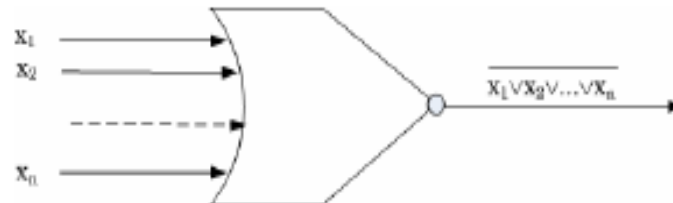
Cổng OR



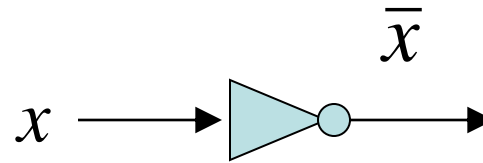
Cổng NAND



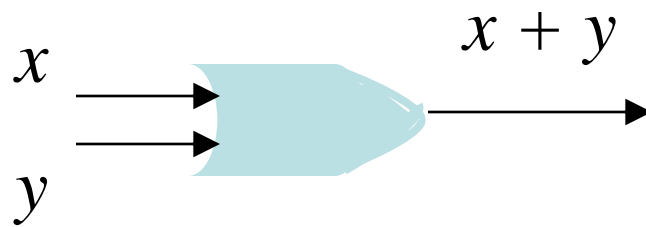
Cổng NOR



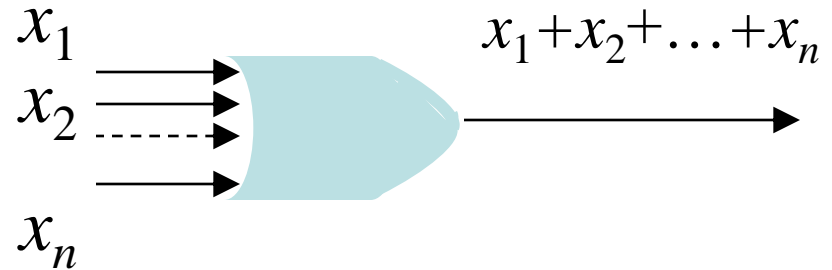
Basic Gates



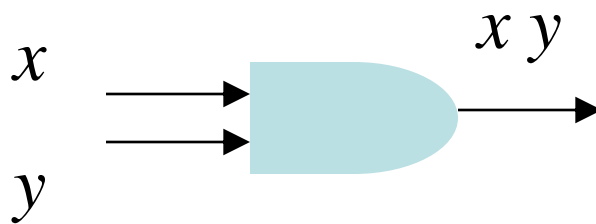
inverter



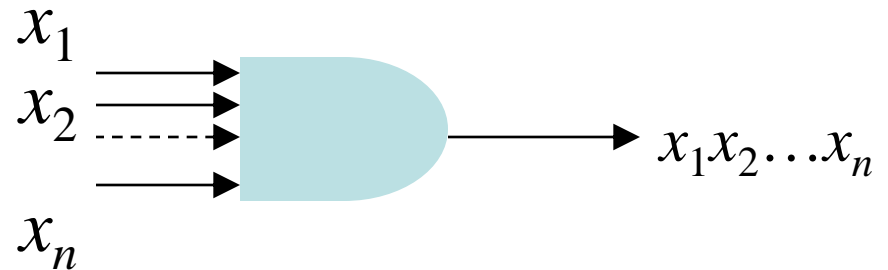
OR gate



OR gate with n inputs

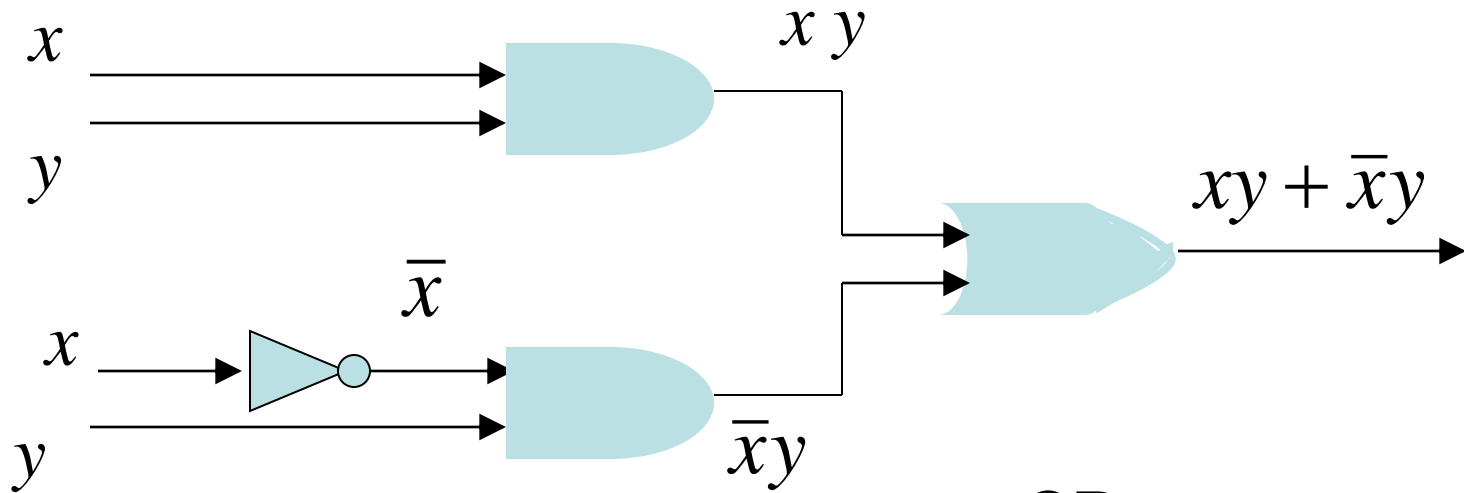


AND gate

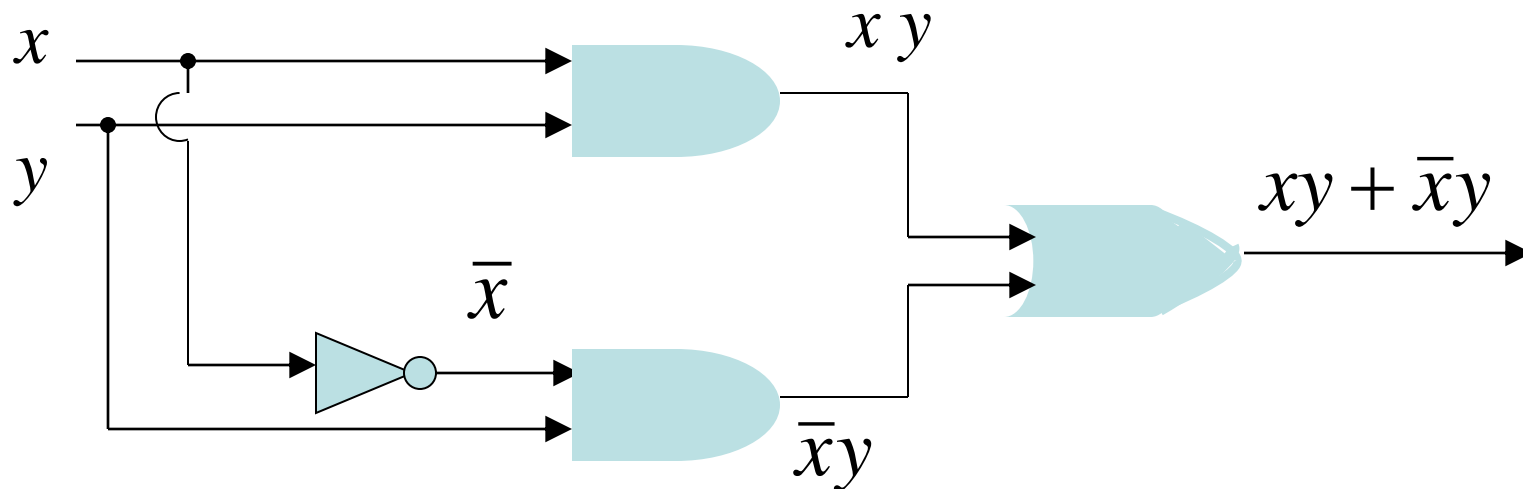


AND gate with n inputs

We combine gates by allowing output of one gate to become input of other gates

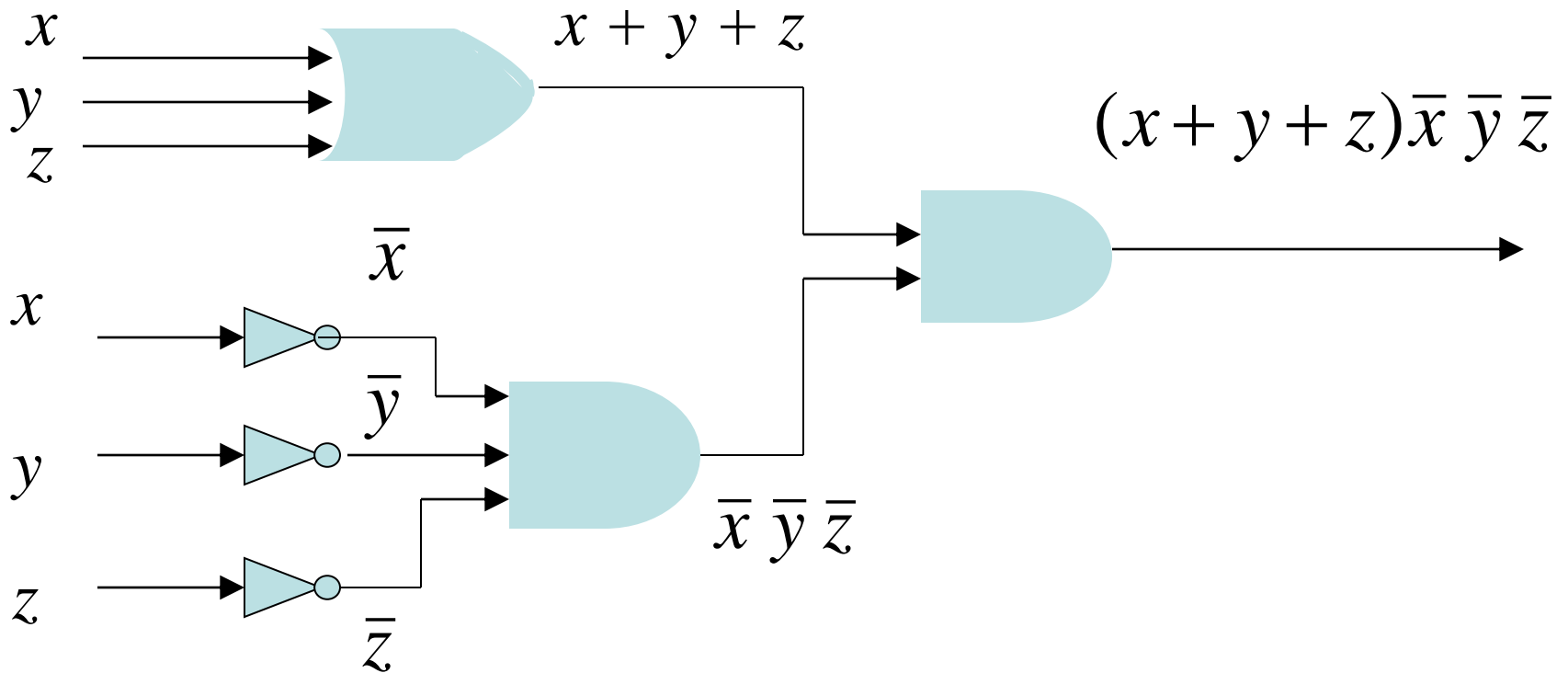


OR



Example. Construct the circuit that provides the output

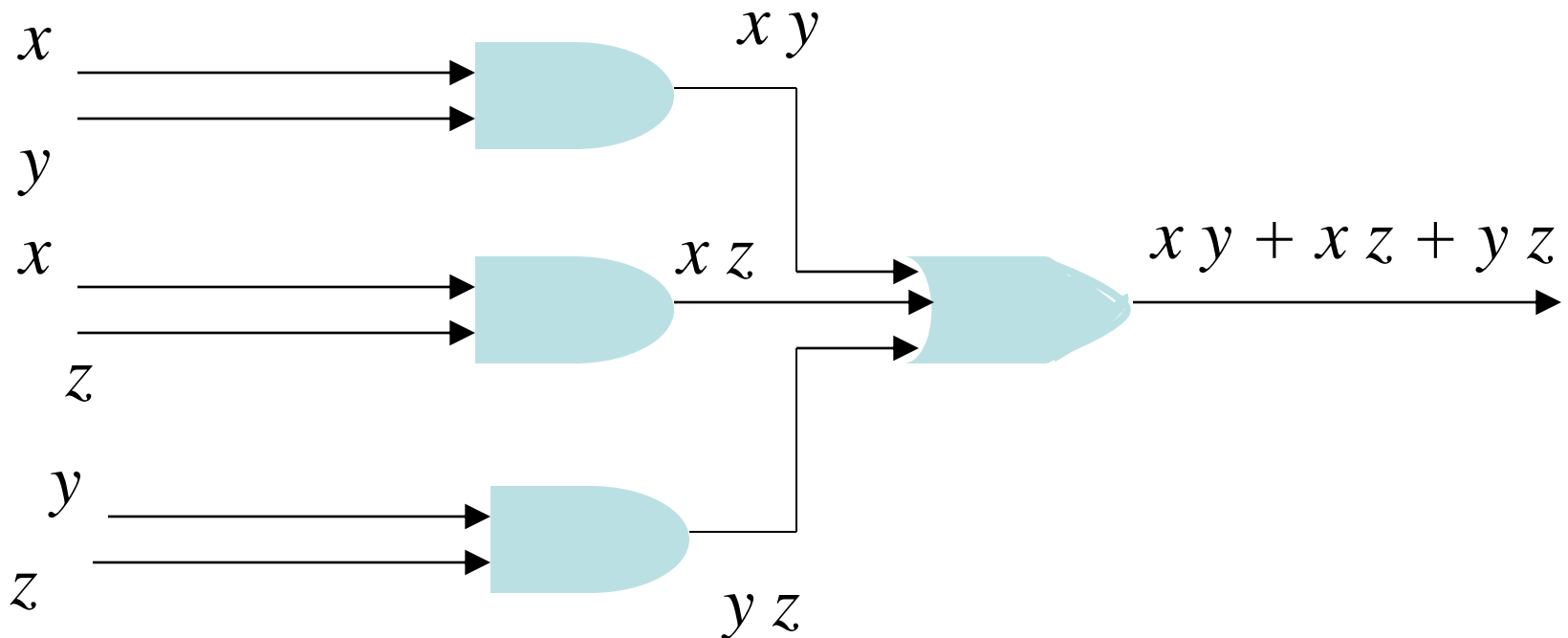
$$(x + y + z)\bar{x}\bar{y}\bar{z}$$



Example of Circuits

Example. Design a circuit to simulate the voting of a committee of three persons based on the majority

Solution. The voting of three persons are represented by three Boolean variables x, y, z : 1 for YES and 0 for NO



Example of Circuits

Example. Design a circuit for a light controlled by two switches

Solution. The switches are represented by two Boolean variables x, y : 1 for CLOSED and 0 for OPEN

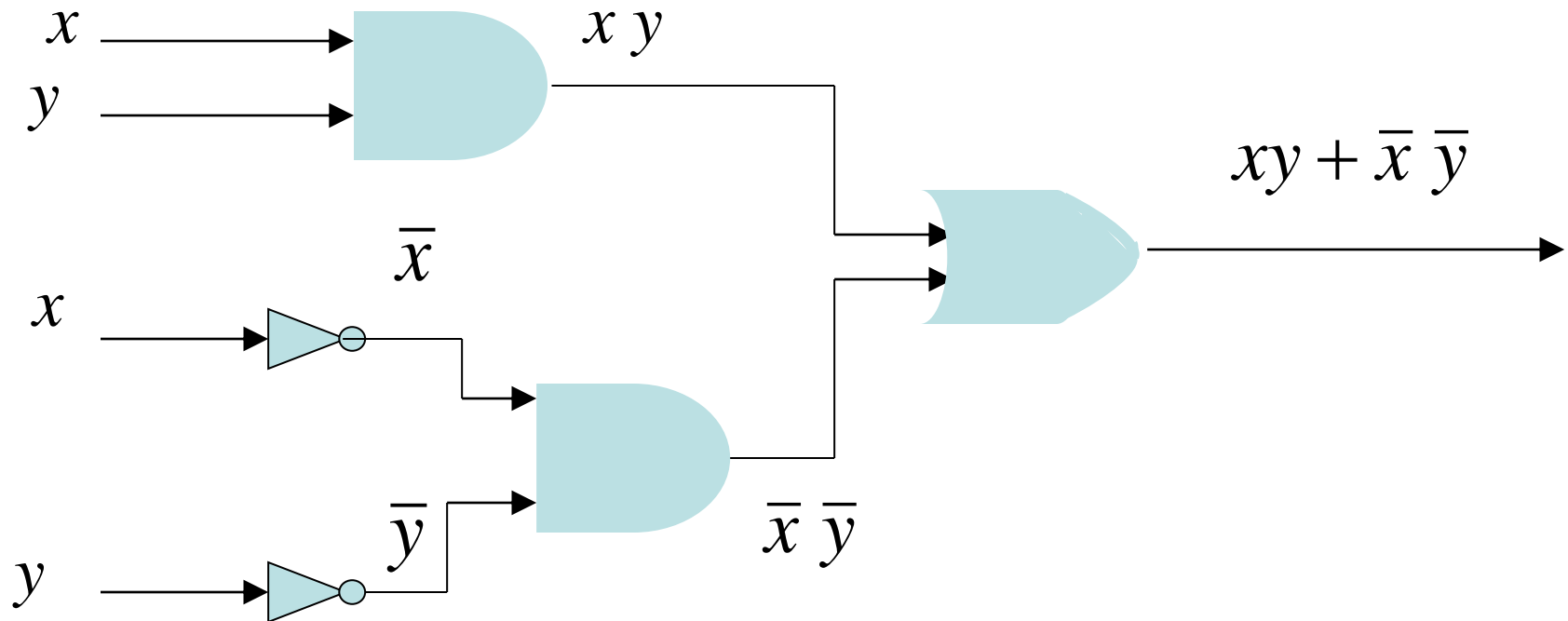
Let $F(x, y) = 1$ when the light is ON and 0 when it is OFF

Assume that $F(1, 1) = 1$ when both switches are closed

Then the Boolean function $F(x, y)$ is determined by the truth table

x	y	$F(x, y)$
1	1	1
1	0	0
0	1	0
0	0	1

The corresponding circuit



Example. Design a circuit for a light controlled by three switches

Solution. The switches are represented by three Boolean variables x, y, z : 1 for CLOSED and 0 for OPEN

Let $F(x,y,z) = 1$ when the light is ON and 0 when it is OFF

Assume that $F(1, 1, 1) = 1$
when three switches are closed

Then the Boolean function $F(x, y, z)$ is determined by the truth table

x	y	z	$F(x, y, z)$
1	1	1	1
1	1	0	0
1	0	1	0
1	0	0	1
0	1	1	0
0	1	0	1
0	0	1	1
0	0	0	0

